



diǎn xin

点心

Noun · snack; dim sum

Example Sentences

xià wǔ sān diǎn wǒ men hē diǎn chá chī xiē diǎn xin
下午三点，我们喝点茶，吃些点心。

At three in the afternoon, we drink some tea and eat some snacks.

wǒ chī diǎn xin
我吃点心。

I eat dim sum.

nǐ què dìng zhè xiē diǎn xin zú gòu zhāo dài suǒ yǒu kè rén ma
你确定这些点心足够招待所有客人吗？

Are you sure these snacks are enough to serve all the guests?

Trace each character, then write the word on your own.

点	点	点	点	点	点	点	点	点	点	点
点										

心	心	心	心	心	心	心				
